

VĂN HÓA BIỂN ĐẢO TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

MAI THỊ THÙY HƯƠNG

Tóm tắt

Trong tiến trình lịch sử Việt Nam, biển đảo đóng vai trò quan trọng đặc biệt trong việc tạo lập không gian sinh tồn, hình thành nền văn hóa biển. Trải qua nhiều thời đại với những thăng trầm của lịch sử, có thể nhìn nhận và đánh giá văn hóa biển đảo truyền thống theo các nội dung sau: 1) nghề truyền thống liên quan đến biển đảo; 2) phong tục, tập quán liên quan đến biển đảo; 3) tín ngưỡng, lễ hội liên quan đến biển đảo; 4) thiết chế văn hóa liên quan đến biển.

Từ khóa: Văn hóa biển đảo, Việt Nam

Abstract

Sea and islands play an important role in creating living spaces and maritime culture in the process of Vietnamese history. Over the ages with ups and downs of history, it is possible to confirm and evaluate the traditional maritime culture in the following contents: 1) traditional crafts related to the sea and islands; 2) customs and habits related to the sea and islands; 3) beliefs and festivals related to the sea and island; 4) cultural institutions related to the sea and islands.

Keywords: Maritime culture, Vietnam

1. Nghề truyền thống liên quan đến biển đảo

Nghề chính của cư dân vùng biển đảo là nghề đánh bắt thủy hải sản. Đây là nghề truyền thống có từ lâu đời ở các vùng biển đảo. Ở Việt Nam, có nhiều hình thức đánh bắt cá biển, song căn cứ vào nguyên lý đánh bắt chủ động hoặc thụ động có thể chia ra thành 6 họ nghề: lưới kéo, lưới vây, lưới rê, lưới vó, nghề cố định và nghề câu. Họ lưới kéo còn gọi là nghề giã hoặc nghề cào, đánh bắt chủ động nhưng tốn nhiên liệu. Đối tượng đánh bắt chủ yếu là các loại cá đáy

như cá phèn, cá lượng, cá mối, cá hồng, cá nục, tôm... Họ lưới vây còn gọi là lưới bao hay lưới rút, đánh bắt chủ động, đối tượng đánh bắt chủ yếu là: mực, các loại cá cơm, cá lằm, cá trích, cá ngừ, cá bạc má... Họ lưới rê là nghề đánh bắt thụ động, lưới trôi theo dòng chảy, cá đi vướng vào mắt lưới. Họ lưới vó gồm các nghề vó, manh, rờ, đáng chú ý là nghề vó kết hợp ánh sáng có năng suất khá cao, đối tượng đánh bắt chủ yếu là cá trích, cá nục, cá cơm, cá bạc má... Họ nghề cố định gồm các nghề đăng, đáy, nò và rờ. Đây là loại nghề đánh bắt không

chủ động, song chi phí sản xuất ít và có thể không cần hoặc cần ít nhiên liệu, đối tượng đánh bắt chủ yếu là tôm, moi và một số loài cá di cư... Họ nghề câu gồm câu vàng, câu tay là nghề có chi phí sản xuất ít, năng suất cao, đối tượng đánh bắt chủ yếu là cá thu, cá ngừ, cá hồng, cá kềm, cá dưa, cá trích, cá mập, mực...

Một số nghề truyền thống khác vùng biển, hải đảo như nghề làm lưới, nghề đóng thuyền, nghề thủ công chế tác từ chất liệu hải sản... tuy vẫn còn tồn tại nhưng đã mất dần vị trí ưu tiên phát triển.

2. Phong tục tập quán liên quan đến biển đảo

Trong quá trình sinh sống và sản xuất, cư dân vùng biển đảo Việt Nam đã dần hình thành nên những đặc trưng văn hóa, phong tục tập quán truyền thống, nhằm cầu mong một cuộc sống yên bình và những lần ra khơi vào lộng được an lành, tôm cá đầy khoang. Cùng một môi trường sống trên biển cả, hải đảo, những đặc trưng văn hóa truyền thống đã thể hiện những điểm tương đồng trong các hình thức cúng tế, kiêng kỵ trong đời sống liên quan đến biển đảo... Tuy nhiên, những sắc thái vùng miền cũng được thể hiện một cách rõ nét trong các đặc trưng văn hóa của các cộng đồng cư dân biển đảo trên cả nước. Những kiêng kỵ trong sinh hoạt hàng ngày và đặc biệt liên quan đến nghề nghiệp được các cộng đồng cư dân biển đảo coi trọng và tuân thủ một cách nghiêm ngặt. Ví dụ, người Việt ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam đều có chung kiêng kỵ: những người bốc mộ hoặc phụ nữ mới sảy thai không được xuống ghe thuyền; người có tang ma chưa qua khỏi 100 ngày thì không được đi biển. Trước khi đi biển thì người đàn ông không được gán vợ, không ăn cơm kê...; cấm phụ nữ không được bước qua tay lái thuyền và ngồi trên mũi thuyền... Khi đi biển cũng như trước khi tiến hành một công việc trọng đại, người Việt luôn có ý thức chọn

ngày tốt. Họ tránh ngày "tam nương" và "sát chủ". Sự vui vẻ trong gia đình trước khi người đàn ông ra khơi cũng được coi trọng: "*Thuận buồm xuôi gió thì đi/Mặt nặng như chì ở lại nuôi con*". Trong ăn uống, người Việt đi biển kiêng lật mình cá khi đã ăn hết phần bên kia bởi họ quan niệm lật thuyền cũng như việc kiêng úp những đồ dùng sinh hoạt hàng ngày như rổ, rá, thúng, mủng, nón... Đặc biệt, người Việt đi biển kiêng kỵ mang giữ những vật liên quan đến "voi" (cá voi). Một chiếc đốt bằng ngà voi hoặc một sợi lông voi cũng coi như là những vật dụng tối kỵ đối với ngư dân nếu vô tình cất giữ dưới thuyền mang theo ra khơi đánh cá. Những kiêng kỵ của cư dân vùng biển phản ánh tâm thức, quan niệm của ngư dân trong việc hành nghề, thái độ ứng xử với các nhóm, giới trong một cộng đồng. Đằng sau những điều tưởng như mê tín đó là mong muốn sự may mắn, cụ thể là đánh bắt được nhiều cá tôm, an toàn trước những phong ba bão táp của đại dương. Tìm hiểu kỹ những kiêng kỵ của ngư dân có thể cắt nghĩa được tâm thế ứng xử của ngư dân và rộng hơn là của cả một dân tộc trước biển cả. Và đó là nét văn hóa riêng của các cộng đồng dân cư mang trong mình những tín ngưỡng khác nhau, chịu sự pha trộn văn hóa giữa các vùng miền." (2, tr.267).

3. Tín ngưỡng, lễ hội liên quan đến biển đảo

Cư dân biển đảo Việt Nam có cuộc sống gắn liền với môi trường biển cả bao la, thường xuyên đối mặt với sóng gió nhiều bất trắc khiến cho họ luôn tin vào những thế lực siêu nhiên, thờ cúng các vị thần linh như một sự bảo trợ an toàn khi đánh bắt cũng như hiệu quả trong công việc.

Do những điều kiện khách quan, phương thức hoạt động nghề biển có nhiều thay đổi, cùng với việc giáo dục truyền thống không còn như xưa... nên niềm tin về vị thần bảo trợ và những hoạt động thực hành nghi lễ cũng

có phần được đơn giản hóa. Đối với một tín ngưỡng phổ biến ở khu vực miền Trung và Nam Bộ như thờ cá Ông cũng có những thay đổi nhất định. Nếu như trước đây, tất cả các ghe thuyền trước khi đi làm nghề đều đến làng Ông thắp hương khấn vái cầu xin sự may mắn, an lành trong hoạt động đánh bắt thì ngày nay không còn nhiều ngư dân thực hiện điều này. Trong các kỳ giỗ Ông, hay lễ hội Cầu ngư, nhiều nghi lễ, phẩm vật cũng dần được đơn giản hóa như việc cúng tiền hương cho Ông thay vì những phẩm vật truyền thống. Ở các làng chài trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, niềm tin vào sự linh hiển của Ông Nam Hải vẫn luôn ngự trị trong tâm trí của ngư dân. Tuy nhiên, ở những nơi có làng Ông quy mô nhỏ, vì nhiều điều kiện khách quan, cộng đồng ngư dân đã giản lược bớt những lễ nghi cúng tế như trước đây.

Ở làng An Bằng (xã Vinh An, huyện Phú Vạn, tỉnh Thừa Thiên Huế), lễ hội Cầu Ngư với hoạt động đua ghe truyền thống là sinh hoạt văn hóa có bề dày lịch sử, đóng vai trò quan trọng trong đời sống tín ngưỡng tâm linh của cộng đồng dân cư.

Ở Đà Nẵng, lễ hội Cầu ngư xuất hiện hầu hết các vùng ven biển của các phường: Thọ Quang, Mân Thái (quận Sơn Trà), Hòa Hiệp (quận Liên Chiểu), Xuân Hà (quận Thanh Khê)... Thời gian tổ chức lễ hội trong vòng 2 ngày, nằm trong khoảng thời gian từ trung tuần tháng Giêng đến tháng Ba âm lịch, với các lễ chính sau: lễ Vọng, lễ Nghinh Ông Sanh, lễ cúng âm linh, lễ thỉnh văn (văn tế) và lễ xây chầu Bả trạo (lễ khai tiếng trống chầu). Lễ hội Cầu ngư ở các làng biển Khánh Hòa hiện còn bảo lưu rất nhiều các tập tục truyền thống như lễ rước sắc, lễ Nghinh Ông, lễ xây chầu Bả trạo, lễ Tỉnh sanh, lễ Tôn Vương... Những tục thờ cá Ông ở dọc biển miền Trung tới miền Nam, thần Độc Cước là hóa thân của mặt trăng, được

cư dân biển quan tâm vì gắn với thủy triều lên xuống... một phần phản ánh yếu tố biển trong văn hóa người Việt, một phần thể hiện những nét chung của văn hóa Việt, từ đó tạo nên sức mạnh đoàn kết của dân tộc.

Bên cạnh tín ngưỡng thờ cúng cá Ông gắn liền với lễ hội Cầu ngư, tục thờ cúng cô hồn của cư dân biển đảo ở khu vực miền Trung và Nam Bộ Việt Nam là một trong những tín tục đặc sắc, liên quan trực tiếp đến yếu tố văn hóa sông nước, biển đảo.

Tập tục này thể hiện xuyên suốt trên dải đất ven biển và hải đảo, tuy nhiên ở mỗi vùng miền khác nhau lại có những sắc thái riêng, hình thức biểu hiện cũng rất phong phú như miếu âm linh, lăng thờ, nghĩa trủng, lễ tế âm linh, tống ôn, chèo đưa linh, hát Bả trạo...

Ở các làng quê ven biển miền Trung đều có các miếu, lăng thờ âm linh (âm linh tự), nghĩa tự (nơi thờ việc nghĩa), hay *miếu âm hồn/cô hồn, miếu thờ Cô Bác hay dinh âm hồn, dinh thờ Cô Bác* hoặc *chùa âm hồn*... với mật độ hết sức dày đặc. Tất cả các di tích được kể trên đây đều là nơi thờ những vong hồn, vong linh vô thừa nhận, những người không may mắn mà bỏ mạng trên biển khơi bao la. Phần lớn các lăng này đều có vị trí sát mặt nước biển, hướng mặt ra biển và tọa lạc gần với lăng thờ cá Ông.

Lễ tế âm linh/ cúng cô hồn là nghi thức tế lễ thường xuyên, thường diễn ra vào khoảng thời gian có các lễ tiết liên quan đến Phật giáo như rằm tháng Giêng (Nam Ô), tháng 3 âm lịch (Mân Thái, Điện Dương, Phước Trạch, Duy Hải, Tam Hải, Bình Minh), tháng 4 âm lịch (Tỉnh Thủy, Nam Thọ) và rằm tháng 7 (Nại Hiên, Mân Quang, An Hải, Xuân Hà, Cẩm Thanh, Cù Lao Chàm). Ngoài ngày tế chính, tất cả các lăng đều tổ chức cúng tế trong ngày quẻ com (quẻ đơm) hay còn gọi là ngày giã mả/chạp mả âm linh/Cô Bác theo ngày lệ riêng của làng mình.

Lễ khao lễ thể lính Hoàng Sa ở đảo Lý Sơn là nghi lễ truyền thống, đã tồn tại hàng trăm năm và trở thành một trong những sinh hoạt văn hóa tinh thần tiêu biểu của cư dân trên hòn đảo này. Lễ hội diễn ra tại Âm Linh Tự, đình An Vĩnh và mộ lính đội Hoàng Sa vào khoảng tháng 3 âm lịch. Lễ Khao lễ thể lính thể hiện sự tôn kính và là một hình thức tôn vinh của những người đang sống đối với những người đã khuất vì chủ quyền dân tộc.

“Có thể nói, dưới các triều đại quân chủ của nước ta, đặc biệt là dưới triều Nguyễn, bên cạnh các hoạt động chính trị quân sự, kinh tế... thì Nhà nước rất chú ý đến đời sống tâm linh của người dân và chủ động có ý thức tạo lập các công trình tín ngưỡng/văn hóa một mặt là nhằm thỏa mãn đời sống tín ngưỡng của người dân, mặt khác với các công trình kiến trúc về tín ngưỡng/văn hóa đây mà “cắm mốc” biên cương biển - đảo của người Việt (phỏng vấn PGS.TS. Nguyễn Duy Thiệu - Bảo tàng Dân tộc học).

Liên quan đến biển, các cộng đồng cư dân đã hình thành nên một hệ thống các tri thức có liên quan đến môi trường biển, cách thức chế tạo, kỹ thuật đánh bắt cá và chế biến thủy hải sản. Kho tàng tri thức bản địa của cư dân ven biển rất phong phú.

Đó là tri thức về các dòng hải lưu, về thủy triều và các “con nước”, về các luồng lạch, các cửa sông và đâm phá ven biển, về khí hậu các mùa gắn với gió mùa, về các tập đoàn sinh vật, động vật sống dưới biển hết sức phong phú và đa dạng (...) Các tri thức này được tích lũy trong trí nhớ của ngư dân, trong thực hành nghề nghiệp, trong các câu thành ngữ, tục ngữ, ca dao, hò, vè, truyện cổ... (1, tr.125).

4. Thiết chế văn hóa liên quan đến biển đảo

Thiết chế văn hóa trong không gian văn hóa biển đảo ở nước ta rất phong phú, đa

dạng, với sự góp mặt của các loại hình di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh: đền, chùa, miếu, ... Hầu hết các di tích này đều gắn liền với tín ngưỡng, tôn giáo và là nơi tổ chức thực hành tín ngưỡng, tôn giáo, hoặc là nơi ghi nhớ, tưởng niệm các anh hùng có công trong công cuộc dựng nước và giữ nước.

Để có không gian nhằm thực hành các nghi lễ, ngư dân, nhất là ngư dân từ Trung Bộ trở vào từ lâu đời đã xây dựng nên những “Lăng ông Nam Hải” đồ sộ. Đối với ngư dân Lăng ông có vai trò như là đình làng. Lăng vừa là nơi thờ cá Ông (như là Thành hoàng làng - có sắc phong của các vương triều), vừa là nơi để sinh hoạt cộng đồng. Lăng cũng là nơi để lưu giữ nhiều bộ xương cá Ông Voi (có những lăng đến nay còn lưu giữ hàng trăm bộ). Lăng cũng là không gian để thực hành tín ngưỡng và tổ chức lễ hội. Tín ngưỡng và tập tục thực hành tín ngưỡng thờ cá Ông Voi của ngư dân Việt Nam đã tạo nên một hệ thống các giá trị vật thể và phi vật thể to lớn và quý báu. Lăng của vạn Thủy Tú (Bình Thuận), lăng thờ cá Ông đã được công nhận là Di sản văn hóa - lịch sử cấp quốc gia và Lễ hội Nghinh Ông Khánh Hòa (với các hoạt động chính là rước sắc, Nghinh Ông, trình diễn Bả trạo...) cũng đã được xếp hạng là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Dọc theo ven biển miền Trung có hàng trăm lăng Cá Ông như lăng của vạn Thủy Tú và lễ hội Nghinh Ông cũng rất phổ biến ở khu vực này.

Các di tích lịch sử gắn liền với lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc trên vùng biển đảo còn lưu lại các tên đất, tên người trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược thời quân chủ, phong kiến như các di tích về chiến thắng Bạch Đằng trên vùng biển Quảng Ninh, Hải Phòng. Các di tích tôn vinh những người có công đánh giặc giữ gìn biển đảo như đình Quan Lạn, đền Trần Khánh Dư ở Vân Đồn (Quảng Ninh). Đền thờ Nguyễn Trung

Trực ở Rạch Giá (Kiên Giang) tôn vinh người anh hùng đã lãnh đạo nhân dân địa phương đứng lên đánh Tây cuối thế kỷ XIX, bị bắt địch ở Phú Quốc.

Trong loại hình di tích lịch sử vùng biển đảo còn có những di tích mang tính đặc thù, khi nhắc đến tên di tích là người ta nghĩ ngay đến hình ảnh biển đảo với những ngọn hải đăng (Vũng Tàu), xưởng đóng tàu thuyền (Ba Son-thành phố Hồ Chí Minh). Những di tích này phản ánh lịch sử hình thành và phát triển của ngành hàng hải nước ta, một ngành gắn bó chặt chẽ với đời sống biển đảo đã vài thế kỷ.

Di sản văn hóa trong không gian văn hóa biển đảo nước ta ngày càng có vai trò quan trọng trong việc xác định các giá trị văn hóa truyền thống và chủ quyền thiêng liêng của đất nước trên vùng biển đảo. Thời gian vừa qua, Nhà nước đã chú trọng đến công tác kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng cho các di tích, các thiết chế văn hóa. Tuy nhiên, do giao thông đi lại khó khăn nên các hoạt động bảo vệ các di tích này cũng có những đặc thù riêng. Đa phần vật liệu để tu bổ di tích được đưa từ đất liền ra nên giá thành tăng cao. Di tích nằm trong môi trường biển rất nhanh xuống cấp do tác động của khí hậu, mưa, gió, bão, nước mặn... Việc phát huy giá trị di sản văn hóa còn nhiều khó khăn. Vì vậy, việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong không gian biển đảo phải được coi là một hoạt động thường xuyên, liên tục, với những kế hoạch dài hơi.

Kết luận

Nhìn về quá khứ, từ hành động của tiền nhân có thể giúp chúng ta trả lời hiện tại và dự đoán tương lai. Biển Đông hiện nay là một vùng "biển động". Nhưng Việt Nam sẽ ứng xử theo văn hóa Việt Nam để khẳng định vị thế và vai trò xứng đáng của mình. Truyền thống hướng biển của ông cha sẽ là nền tảng tinh

thần, đồng thời là động lực cho chúng ta hội nhập và phát triển.

Bảo vệ và phát triển văn hóa biển đảo phải dựa vào cộng đồng cư dân biển đảo. Ngày nay, Đảng và Nhà nước cần đề cao hơn nữa vai trò của cộng đồng trong việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa biển đảo.

M.T.T.H

(Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam)

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội đồng Di sản Văn hóa quốc gia (2015), *Văn hóa biển đảo - Bảo vệ và phát huy giá trị*, Kỷ yếu hội thảo. Nxb. Thế giới, Hà Nội.
2. Nguyễn Thanh Lợi (2014), *Một góc nhìn về văn hóa biển*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, TP. HCM.
3. Tài liệu phỏng vấn đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ "Quản lý văn hóa biển đảo - bảo tồn và phát huy giá trị", Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2017.

Ngày nhận bài: 25 - 9 - 2017

Ngày phản biện, đánh giá: 10 - 12 - 2017

Ngày chấp nhận đăng: 25 - 12 - 2017